

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Sư phạm Địa lý
Tên tiếng Anh	: Geography Teacher Education
Tên các chuyên ngành	
Mã ngành	: 7140219
Hình thức đào tạo	: Chính quy

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2094/QĐ-ĐHQN ngày 22 tháng 7 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Địa lý

Mã ngành: 7140219

Tên tiếng Anh: Geography Teacher Education

Tên các chuyên ngành: Không

Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lý được kế thừa từ chương trình đào tạo sư phạm Địa lý trước đó và được bổ sung, phát triển theo hướng phát huy tối đa năng lực của người học cùng với nội dung đào tạo toàn diện để đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và có năng lực học tập suốt đời. Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lý đào tạo cử nhân có kiến thức vững vàng về khoa học Địa lý và khoa học giáo dục, có phẩm chất chính trị, đạo đức; có năng lực thực hành nghề nghiệp đáp ứng các chuẩn về nghề nghiệp dạy học Địa lý phù hợp với nội dung đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông hiện nay đáp ứng được yêu cầu xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập ngày càng sâu và rộng. Cử nhân ngành Sư phạm Địa lý sau khi tốt nghiệp có khả năng làm tốt công tác giảng dạy, giáo dục Địa lý ở trường phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Khi đạt trình độ cao hơn, có thể giảng dạy ở trường đại học, cao đẳng và dạy nghề; có khả năng công tác ở các cơ quan hành chính - sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, các ngành nghề khác như hướng dẫn viên du lịch, cộng tác viên về dân số, môi trường; hoặc tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Lý luận và Phương pháp dạy học môn Địa lý.

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lý được xây dựng theo hệ thống tín chỉ, với 138 tín chỉ được chia thành 02 khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; trong đó chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn giúp người học có nhiều lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu của cá nhân. Nội dung chương trình đào tạo sát hợp với nội dung chương trình môn Địa lý ở trường THPT. Tham gia giảng dạy chương trình cử nhân Sư phạm Địa lý là đội ngũ giảng viên trình độ cao, có uy tín và giàu nhiệt huyết. Trường Đại học Quy Nhơn được biết đến là cái nôi của các ngành Sư phạm nói chung và Sư phạm Địa lý nói riêng, đào tạo ra hàng nghìn giáo viên phục vụ công tác giáo dục ở khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và nhiều tỉnh thành trên cả nước.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Sư phạm Địa lý
2. Mã ngành đào tạo	7140219
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân ngành Sư phạm Địa lý
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	138 (chưa bao gồm các học phần GDTC và GDQP-AN)
7. Khoa quản lý	Khoa Sư phạm
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Quy chế tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn
11. Thang điểm đánh giá	Thang điểm 10, Thang điểm chữ và Thang điểm 4
12. Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số HP và khối lượng học tập theo CTĐT; có điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần GDTC và có chứng chỉ GDQP - AN; - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và CNTT theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn.

13. Vị trí việc làm	Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý có thể đảm nhận các vị trí công việc sau: - <i>Giảng dạy</i>: Trực tiếp giảng dạy môn Địa lý tại các trường trung học phổ thông. Khi đạt trình độ chuyên môn cao hơn, có thể giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. - <i>Nghiên cứu và công tác chuyên môn</i>: Tham gia nghiên cứu tại các viện, trung tâm nghiên cứu có liên quan đến Địa lý; làm việc tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội; làm cộng tác viên dân số, hướng dẫn viên du lịch,...
14. Học tập nâng cao trình độ	Theo học các ngành, chuyên ngành trình độ thạc sĩ, tiến sĩ: Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý.
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý các trường: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng.
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 7/2025

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		x	x
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	x	x	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			

	thức cơ sở ngành				
	Khối kiến thức ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	x	x	x
		Các học phần thí nghiệm, thực hành		x	x
		Các học phần thực tập, thực tế	x		x
	Khóa luận/đồ án tốt nghiệp				x
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		x	x	x
	Thi nghiệp vụ sư phạm, nhà giáo thông thái, hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng,			x	x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh, chủ nhật xanh...)		x	x	
	Hiến máu nhân đạo		x		
	Hoạt động vì người nghèo		x		
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn	x	x	x
	PLO2	Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy môn Địa lý trong nhà trường	x	x	x
	PLO3	Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học môn Địa lý trong nhà trường	x	x	x
	PLO4	Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để thực hiện kiểm tra, đánh giá người học	x		x
	PLO5	Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm vào quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp		x	x
	PLO6	Thực hiện nghiên cứu khoa học và tư duy phản biện	x	x	x

	PLO7	Sử dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp	x		x
	PLO8	Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân cùng khả năng hợp tác hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc		x	x
	PLO9	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển con người toàn diện	x	x	x

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Địa lý có phẩm chất chính trị và sức khỏe tốt; có kiến thức về khoa học cơ bản, kiến thức chuyên sâu về khoa học Địa lý và khoa học giáo dục; có năng lực số, khả năng tự học và nghiên cứu suốt đời; có năng lực giáo dục và dạy học Địa lý; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và hội nhập quốc tế.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

+ PO1. Có kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật; khoa học tự nhiên, khoa học xã hội; kiến thức chuyên ngành khoa học Địa lý và khoa học giáo dục phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.

+ PO2. Có năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và tư duy phản biện, tư duy đổi mới sáng tạo; năng lực số và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

+ PO3. Có năng lực thiết kế, tổ chức và kiểm tra, đánh giá trong giáo dục, dạy học Địa lý; Có năng lực nghiên cứu khoa học Địa lý và khoa học sư phạm ứng dụng.

+ PO4. Có phẩm chất chính trị, có trách nhiệm, đạo đức, phong cách nhà giáo và ý thức phục vụ cộng đồng.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

PLO1: Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn.	PI 1.1: Xác định kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn.
	PI 1.2: Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn.
PLO2: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy Địa lý ở trường phổ thông.	PI 2.1: Xác định những kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy Địa lý.
	PI 2.2: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy Địa lý.
PLO3: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học Địa lý ở trường phổ thông.	PI 3.1: Tổng hợp kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học Địa lý.
	PI 3.2: Điều khiển quá trình tổ chức hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học Địa lý.
PLO4: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để thực hiện kiểm tra, đánh giá người học.	PI 4.1: Xác định các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
	PI 4.2: Sử dụng các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
PLO5: Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm vào quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp	PI 5.1: Xác định kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp, giao tiếp sư phạm của người giáo viên trong nhà trường.
	PI 5.2: Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và phát triển các mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

PLO6: Thực hiện nghiên cứu khoa học và thực hiện tư duy phản biện.	PI 6.1: Thực hiện nghiên cứu khoa học nhằm góp phần nâng cao hiệu quả học tập và thực hành nghề nghiệp.
	PI 6.2: Thực hiện tư duy phản biện nhằm phát triển năng lực toàn diện cho người học.
PLO7: Sử dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ học tập và thực hành nghề nghiệp.	PI 7.1: Xác định các công cụ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ cho hoạt động dạy học và thực hành nghề nghiệp.
	PI 7.2: Sử dụng các công cụ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng học tập và thực hành nghề nghiệp, đổi mới giáo dục và tạo môi trường học tập hiện đại, hiệu quả, sáng tạo.
PLO8: Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân cùng khả năng hợp tác hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc.	PI 8.1: Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân để chủ động tiếp cận kiến thức, phát triển tư duy độc lập và xây dựng phương pháp học tập hiệu quả.
	PI 8.2: Thực hiện khả năng hợp tác nhằm nâng cao chất lượng học tập, phát triển toàn diện cho người học và xây dựng môi trường giáo dục phản ánh văn hóa đặc trưng của nhà trường.
PLO9: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển con người toàn diện.	PI 9.1: Xác định đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và ý thức phục vụ cộng đồng.
	PI 9.2: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng nhằm định hướng nhân cách người học, xây dựng môi trường học tập tích cực, góp phần phát triển con người toàn diện.

1.5.1. Về kiến thức

+ Kiến thức chung

1) PLO1: Vận dụng kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành để thực hiện công việc chuyên môn.

+ Kiến thức chuyên môn

2) PLO2: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy môn Địa lý trong nhà trường.

3) PLO3: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để tổ chức hoạt động

giáo dục, hoạt động dạy học môn Địa lý trong nhà trường.

4) PLO4: Vận dụng kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ để thực hiện kiểm tra, đánh giá người học.

1.5.2. Về kỹ năng

+ *Kỹ năng chung và kỹ năng chuyên môn*

5) PLO5: Vận dụng kiến thức liên quan và kiến thức giao tiếp sư phạm vào quá trình học tập và thực hành nghề nghiệp.

6) PLO6: Thực hiện nghiên cứu khoa học và tư duy phản biện.

7) PLO7: Sử dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

8) PLO8: Thực hiện khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm cá nhân cùng khả năng hợp tác hiệu quả trong môi trường học tập và làm việc.

9) PLO9: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên và hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển con người toàn diện.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
PO1	x	x	x	x	x	x			x
PO2					x	x	x	x	
PO3		x	x	x		x	x	x	
PO4									x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

+ Giảng viên nghiên cứu mục tiêu đào tạo của chương trình, khung chương trình, học phần để xác lập mục tiêu, chuẩn đầu ra, lựa chọn nội dung, phương pháp để tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao.

+ Giảng viên chuẩn bị đầy đủ: tập bài giảng và trang thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy. Tập bài giảng phải thể hiện rõ được mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, phương tiện, kỹ năng, trình tự, nội dung giảng dạy. Mục tiêu của mỗi

tiết học, nội dung giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu chung của học phần (khối kiến thức), chuẩn kiến thức, kỹ năng, phù hợp với chương trình đào tạo. Nội dung kiến thức trong tập bài giảng phải thống nhất với nội dung kiến thức của đề cương chi tiết bài giảng đã được thông qua tại Hội đồng Khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt. Nội dung học tập phải gắn với mục tiêu giảng dạy và chương trình đào tạo.

+ Phương pháp giảng dạy được sử dụng phải phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt và phù hợp với đối tượng người học, kết hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong một học phần.

- Các phương pháp giảng dạy - học tập

+ Dạy học trực tiếp: Dạy học trực tiếp là quá trình giáo viên trực tiếp truyền đạt thông tin, kiến thức cơ bản cho người học, trong đó người dạy đóng vai trò chủ động kiểm soát, hướng dẫn và triển khai các hoạt động giảng dạy. Qua việc trình bày, giải thích và hướng dẫn chi tiết, giáo viên giúp người học tiếp cận, lĩnh hội và hiểu rõ nội dung bài học. Đây là chiến lược dạy học hiệu quả trong việc cung cấp kiến thức hệ thống, hướng dẫn kỹ năng mới tạo nền tảng vững chắc để người học áp dụng những kiến thức này vào công tác chuyên môn và phát triển kỹ năng thực tiễn. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Thuyết giảng/ Diễn giảng/ Thuyết trình; Giải thích, minh họa; Đàm thoại (Hỏi đáp); nêu vấn đề; Phương pháp mô phỏng; Hướng dẫn thực hành (Làm mẫu).

+ Dạy học gián tiếp: Dạy học gián tiếp là chiến lược giảng dạy trong đó người học được tạo điều kiện học tập mà không cần sự can thiệp trực tiếp của giảng viên qua các hoạt động giảng dạy công khai. Đây là phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học mà thay vào đó, khuyến khích người học tham gia tích cực vào quá trình học tập, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Thông qua chiến lược này, người học không chỉ phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu mà còn nâng cao ý thức và trách nhiệm cá nhân đối với việc học của mình. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Học tập dựa trên tình huống; Học tập dựa trên vấn đề; Câu hỏi gợi mở; Dạy học trực tuyến; Bài tập; Thảo luận; Tranh luận; Dự án.

+ Học tập trải nghiệm: Học tập trải nghiệm gồm bốn chu trình: Trải nghiệm cụ thể, trong đó người học tham gia vào các hoạt động thực tiễn như thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm hay đi thực tế; chiêm nghiệm, khi người học suy ngẫm và phân tích

các kết quả, hành vi, cảm xúc từ trải nghiệm; hình thành khái niệm, khi người học rút ra bài học, lý thuyết từ quá trình chiêm nghiệm; và thử nghiệm tích cực, khi người học áp dụng kiến thức vào tình huống mới để kiểm nghiệm và điều chỉnh. Phương pháp này không chỉ giúp phát triển kiến thức và kỹ năng mà còn nâng cao thái độ của người học. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Học tập trải nghiệm; Thực tập; Thực tế; Mô phỏng; Thực hành; Thảo luận; Dự án.

+ Dạy học tương tác: Dạy học tương tác là chiến lược trong đó người học không chỉ tiếp nhận kiến thức từ giảng viên mà còn tương tác với nhau, với giảng viên và với nội dung bài học. Giảng viên tổ chức, điều phối quá trình học tập, trong khi sinh viên chủ động tham gia thảo luận, đối thoại và hợp tác để tạo ra tri thức. Đây là quá trình tương tác hai chiều, phản hồi liên tục và thích ứng, giúp phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và nâng cao sự tự tin, chủ động của người học. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Bài giảng tương tác; Bài tập nhóm; Thảo luận; Tranh luận/ Tranh biện; Thực hành; Thực tập; Thực tế; Dự án.

+ Tự học: Tự học là chiến lược học tập trong đó người học tự định hướng và điều khiển quá trình học của mình với ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Người học chủ động tìm kiếm tri thức, lập kế hoạch học tập và thực hiện các nhiệm vụ học thông qua bài tập, dự án hoặc vấn đề mà giảng viên gợi ý. Chiến lược này giúp phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, sự tự chủ và trách nhiệm của người học. Các phương pháp dạy học cụ thể gắn với chiến lược dạy học này gồm: Học tập trực tuyến; Bài tập ở nhà; Học tập tự định hướng; Thực hành; Thực tập; Thực tế; Dự án.

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy- học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I. Dạy trực tiếp									
1. Thuyết giảng/Diễn giảng/ Thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Giải thích, minh họa	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Đàm thoại (Hỏi đáp)	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Nêu vấn đề	x	x	x	x	x			x	x
5. Phương pháp mô phỏng		x	x	x	x				

6. Hướng dẫn thực hành (Làm mẫu)	X	X	X	X	X	X	X	X	X
II. Dạy gián tiếp									
7. Học tập dựa trên tình huống	X	X	X		X			X	X
8. Học tập dựa trên vấn đề	X	X	X		X			X	X
9. Câu hỏi gợi mở	X	X	X	X	X	X		X	X
10. Dạy học trực tuyến	X	X	X	X	X	X	X	X	X
11. Bài tập	X	X	X	X	X	X	X	X	X
12. Thảo luận	X	X	X	X	X			X	X
13. Tranh luận	X	X	X		X	X		X	X
14. Dự án		X	X	X	X	X	X	X	X
III. Học trải nghiệm									
15. Thực tập, thực tế		X	X	X	X	X	X	X	X
16. Mô phỏng		X	X	X	X			X	X
17. Thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X
18. Thảo luận	X	X	X	X	X			X	X
19. Dự án		X	X	X	X	X	X	X	X
IV. Dạy học tương tác									
20. Bài giảng tương tác	X	X	X	X	X			X	X
21. Bài tập nhóm		X	X	X	X	X	X	X	X
22. Thảo luận	X	X	X	X				X	X
23. Tranh luận/ Tranh biện	X	X	X		X	X		X	X
24. Thực tập, thực tế		X	X	X	X	X	X	X	X
25. Thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X
26. Dự án		X	X		X	X	X	X	X
V. Tự học									
27. Bài tập ở nhà		X	X	X	X	X	X	X	
28. Học tập trực tuyến	X	X	X	X	X	X	X	X	X
29. Học tập tự định hướng						X	X	X	X
30. Thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X
31. Thực tập, thực tế		X	X	X	X	X	X	X	X
32. Dự án		X	X	X	X	X	X	X	X

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ Chương trình đào tạo thường xuyên được rà soát, đánh giá và cập nhật; kết quả rà soát, đánh giá được áp dụng để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo.

+ Mỗi học kỳ, Khoa tổ chức nhiều buổi seminar để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực của GV.

+ Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về phẩm chất, năng lực, đạo đức, trách nhiệm của GV trong quá trình dạy học.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

* *Thang điểm đánh giá:*

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

* *Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm*

a. Học phần lý thuyết

STT	Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Đánh giá quá trình	- Chuyên cần: Thời gian tham dự buổi học bắt buộc; tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỉ lệ vắng - Bài tập (kỹ năng, nhóm): bài làm đúng và đầy đủ, thể hiện được quan điểm cá nhân - Thuyết trình (cá nhân, nhóm): mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng thuyết trình - Thảo luận (cá nhân, nhóm): mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt, sôi nổi, thể hiện được quan điểm cá nhân - Tự luận: bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá - Vấn đáp: trả lời đúng nội dung kiến thức, có kỹ năng truyền đạt, thể hiện được quan điểm cá nhân - Trắc nghiệm: Trả lời đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá - Thực hành: Thực hiện tốt bài thực hành theo yêu cầu của giảng viên	30%, 40% hoặc 50% điểm học phần
2	Đánh giá tổng kết	- Tự luận: bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá - Thuyết trình: mức độ chuẩn bị, nội dung thông tin, kỹ năng truyền đạt - Vấn đáp: trả lời đúng nội dung kiến thức, có kỹ năng truyền đạt, thể hiện được quan điểm cá nhân - Trắc nghiệm: Trả lời đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá	70%, 60% hoặc 50% điểm học phần

5. Đánh giá vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Đánh giá trắc nghiệm		x	x	x	x		x	x	x
7. Đánh giá thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết									
8. Đánh giá tự luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x
9. Đánh giá trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10. Vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x	x	x
11. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12. Đánh giá bài tập kỹ năng	x	x	x	x	x	x	x	x	x
13. Đánh giá bài tập nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x
14. Đánh giá bài tập lớn		x				x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	0
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	0
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	0
1.3.	Ngoại ngữ	7	0
1.4.	KHXH/Toán, KHTN- Môi trường, KH quản lý	4	0
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	104	10
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	32	2
2.2.	Kiến thức ngành	34	6
2.3.	Kiến thức bổ trợ	32	2
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	06	0
Tổng:		128	10
<i>(không tính 12 TC của GDTC, QP-AN)</i>		138	

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 38 học phần (kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục QP- AN)

Khối kiến thức đại cương giúp người học có kiến thức cơ bản nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh để rèn luyện phẩm chất chính trị cho người giáo viên tương lai. Trong khối kiến thức này, SV còn được trang bị tiếng Anh nhằm đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, làm cơ sở để SV mở rộng vốn kiến thức, văn hóa, giao tiếp trong học tập, nghiên cứu và cuộc sống, góp phần nâng cao năng lực hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, SV còn được trang bị các kiến thức về giao tiếp sư phạm, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp để sinh viên sau khi ra trường có thể thích ứng với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 và sự thay đổi của nghề nghiệp, để nắm bắt được các cơ hội việc làm. Đồng thời, trong khối kiến thức này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh để chăm sóc sức khỏe cá nhân, cộng đồng và bảo vệ Tổ quốc.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 32 học phần:

+ Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (13 học phần, trong đó có 02 học phần tự chọn – SV chọn 01 trong 02 học phần) giúp người học có kiến thức cơ sở ngành Sư phạm Địa lý. Đây là khối kiến thức nền tảng đặt cơ sở để sinh viên tiếp nhận kiến thức ngành; vận dụng để xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục; tổ chức hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục sau khi tốt nghiệp.

+ Khối kiến thức ngành (19 học phần trong đó có 06 học phần tự chọn) giúp cho người học có kiến thức vững chắc và chuyên sâu về Địa lý thế giới, Địa lý Việt Nam; vận dụng được những kiến thức này để tiến hành các hoạt động xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục, tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục; vận dụng vào nghiên cứu sư phạm ứng dụng; khai thác, phát triển được học liệu phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học Địa lý; có kỹ năng tốt về thuyết trình; có tư duy phản biện và khả năng hợp tác giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành Địa lý; có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và tư duy đổi mới sáng tạo trong học tập và nghiên cứu Địa lý.

- Khối kiến thức bổ trợ (17 học phần, trong đó có 04 học phần tự chọn – SV chọn 01 trong 04 học phần) giúp cho người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý ở trường phổ thông; dạy học theo hướng phát triển năng lực, tích hợp và phân hóa, các hoạt động trải nghiệm, kiểm tra và đánh giá trong dạy học môn Địa lý... để người học có đủ năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học ở nhà trường phổ thông. Người học cũng được trải nghiệm

thực tế tìm hiểu, nghiên cứu Địa lý bên ngoài lớp học thông qua hoạt động thực tế chuyên môn, trải nghiệm dạy học Địa lý và giáo dục học sinh ở trường phổ thông thông qua hoạt động thực tập sư phạm. Kiến thức này còn giúp người học có kỹ giảng dạy, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng xử lý tốt các tình huống sư phạm; có kỹ năng tốt trong việc tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Thực hiện nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học và thực hành nghề nghiệp. Sử dụng các công cụ công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp, đổi mới giáo dục và tạo môi trường học tập hiện đại, hiệu quả, sáng tạo. Có tư duy phản biện và khả năng hợp tác giải quyết các vấn đề liên quan đến dạy học và giáo dục Địa lý. Xác định và thực hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng nhằm định hướng nhân cách người học, xây dựng môi trường học tập tích cực, góp phần phát triển con người toàn diện.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1.	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	34	24,64%	H	L	L	L	M		M	M	M
2.2.	Kiến thức ngành	40	28,90%		H	H			H		M	
2.3.	Kiến thức bổ trợ	34	24,64%	H	H	H	H	H	H	H	H	H
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	4,34%		H	H			H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			TN/TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				24									
I.1. Khoa học chính trị và pháp luật				13									
01	1130299	Triết học Mác - Lênin	1	3	40		10			95		LLCT-Luật và QLNN	
02	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	27		6			62	1130299	LLCT-Luật và QLNN	
03	1130049	Pháp luật đại cương	1	2	27		6			62		LLCT-Luật và QLNN	
04	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	27		6			62	1130300	LLCT-Luật và QLNN	
05	1130302	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	2	27		6			62	1130301	LLCT-Luật và QLNN	
06	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	27		6			62	1130302	LLCT-Luật và QLNN	
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh				12									
Giáo dục thể chất: Sinh viên chọn 01 trong 08 nhóm sau				3									
07	1120172	Giáo dục thể chất 1	1	1	4			26		21		GDTC	

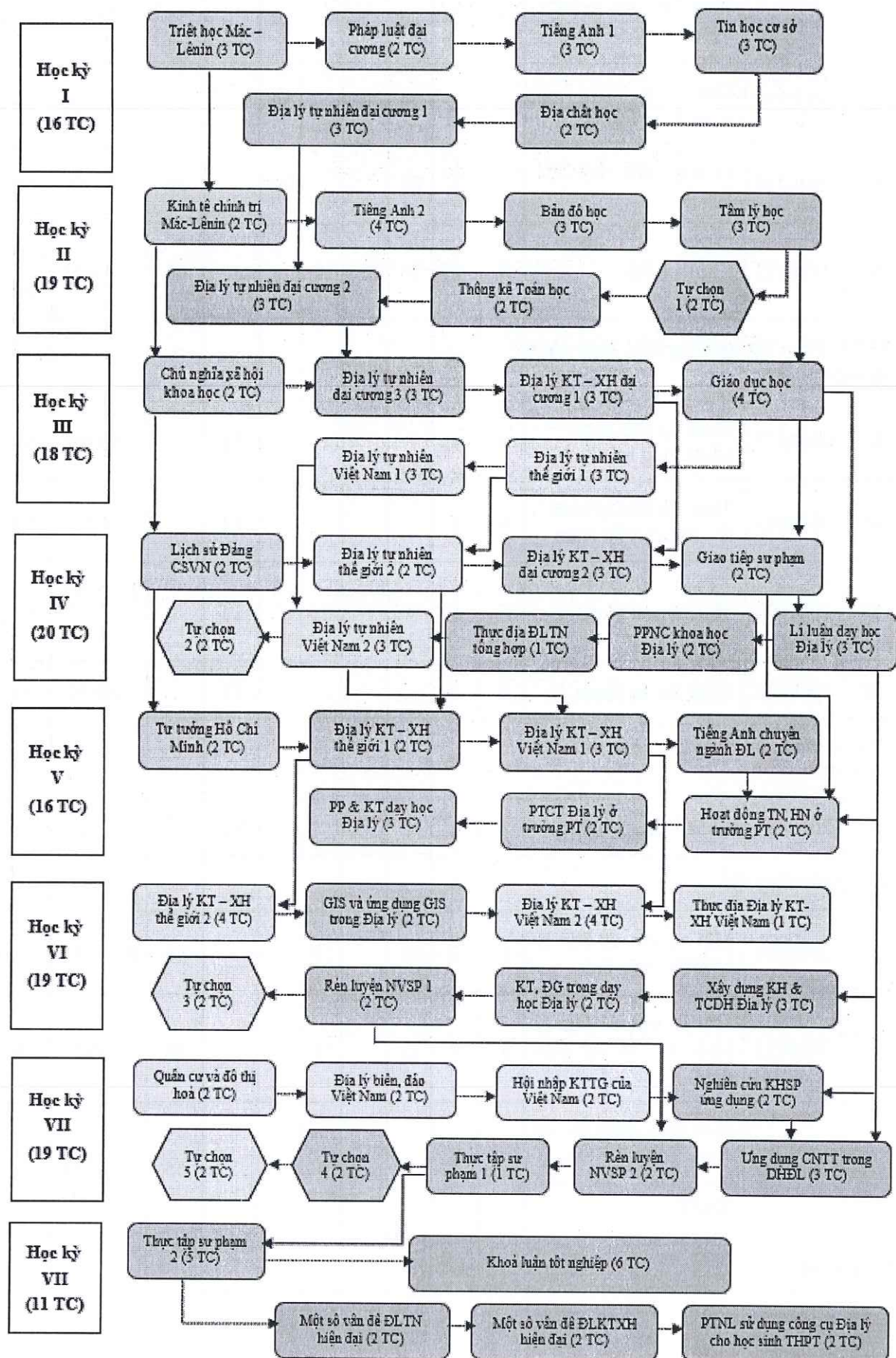
		(Bóng đá 1)											
08	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	2	1	4			26		21	1120172	GDTC	
09	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	3	1	4			26		21	1120173	GDTC	
10	1120175	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	2	1	4			26		21	1120175	GDTC	
12	1120177	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền 3)	3	1	4			26		21	1120176	GDTC	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	2	1	4			26		21	1120178	GDTC	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	3	1	4			26		21	1120179	GDTC	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	2	1	4			26		21	1120181	GDTC	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	3	1	4			26		21	1120182	GDTC	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	2	1	4			26		21	1120184	GDTC	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	3	1	4			26		21	1120185	GDTC	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	1	1	4			26		21		GDTC	
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	2	1	4			26		21	1120187	GDTC	
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	3	1	4			26		21	1120188	GDTC	

II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành				34									
II.1.a. Phần bắt buộc				32									
39	1050242	Tin học cơ sở (Sư phạm)	1	3	30			30		85		CNTT	
40	1100086	Tâm lý học	2	3	30	10	10			95	1130299	KHXH & NV	
41	2030410	Giáo dục học	3	4	36	20	0	8		131	1100086	KHXH & NV	
42	2020634	Địa chất học	1	2	22			16		57		KHTN	
43	2020623	Bản đồ học	2	3	35			20		90		KHTN	
44	1080038	Địa lý tự nhiên đại cương 1	1	3	35		10	10		90		KHTN	
45	1080039	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	3	40			10		95	1080038	KHTN	
46	1080040	Địa lý tự nhiên đại cương 3	3	3	35	5		10		95	1080039	KHTN	
47	1080177	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	3	3	35	5	10			95	1080038	KHTN	
48	2020391	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	4	3	35		10	10		90	1080177	KHTN	
49	1010477	Thống kê Toán học (Sư phạm Địa lý)	2	2	20	10				65		Toán và Thống kê	
II.1.b. Phần tự chọn				02									
Chọn 01 trong 02 học phần sau				02									
50	2030487	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	26	2	4			63		KHXH & NV	
51	2030408	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	26	2	4			63		KHXH & NV	
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)				40									
II.2.1. Kiến thức ngành				40									

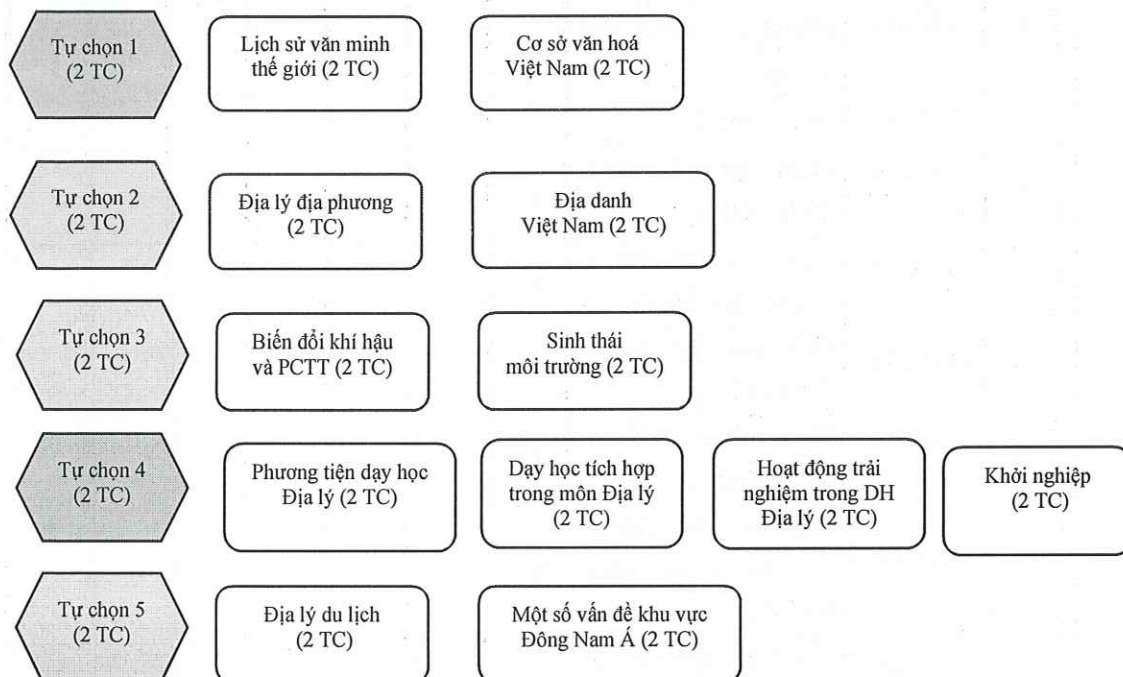
II.2.1a. Phần bắt buộc				34									
52	2020820	Địa lý tự nhiên thế giới 1	3	3	33		6	18		88	1080040	KHTN	
53	2020821	Địa lý tự nhiên thế giới 2	4	2	20		8	12		55	2020820	KHTN	
54	2020390	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	3	3	35	5		10		95	1080039	KHTN	
55	2020393	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	4	3	35	5		10		95	2020390	KHTN	
56	2020823	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1	5	2	20		10	10		55	2020821	KHTN	
57	2020824	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2	6	4	45	5		20		125	2020823	KHTN	
58	2020825	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1	5	3	35	5		10		95	2020391	KHTN	
59	2020826	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2	6	4	40	5	10	20		120	2020825	KHTN	
60	2020822	Địa lý biển, đảo Việt Nam	7	2	20		10	10		55	2020826	KHTN	
61	2020402	Quản cư và đô thị hóa	7	2	25		10			60	2020826	KHTN	
62	2020827	Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam	7	2	25		10			60	2020826	KHTN	
63	2020828	Tiếng Anh chuyên ngành Địa lý	5	2	15	15				65	1090166	KHTN	
64	2020829	GIS và ứng dụng GIS trong Địa lý	6	2	20			20		55	2020623	KHTN	
II.2.1b. Phần tự chọn				06									
Chọn 01 trong 02 học phần sau				02									
65	1080162	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	6	2	25		10			60	1080040	KHTN	
66	1080174	Sinh thái môi trường	6	2	25		10			60	1080040	KHTN	
Chọn 01 trong 02 học phần sau				02									
67	2020831	Địa lý địa phương	4	2	20		8	12		55	2020390	KHTN	

[illegible]

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



Danh sách các học phần tự chọn



Chú thích

	Khối kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức bổ trợ
	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành		Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế
	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	→	Học phần học trước
Tên học phần (x,y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành	-----→	Học phần song hành

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

S TT	Mã HP	Tên HP	PLOs								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	1130299	Triết học Mác – Lênin	L					L		L	L
2	1130049	Pháp luật đại cương	L							L	L
3	1090061	Tiếng Anh 1	L				L		L	L	
4	1050242	Tin học cơ sở (Su	L						M	L	

		phạm)									
5	2020634	Địa chất học	L							L	
6	1080038	Địa lý tự nhiên đại cương 1	M						L	L	L
Phần tự chọn (Chọn 1 trong 8)											
7	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	L							L	
8	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)	L							L	
9	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	L							L	
10	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	L							L	
11	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	L							L	
12	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	L							L	
13	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	L							L	
14	1120239	Giáo dục thể chất 1 (Pickle ball 1)	L							L	
15	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	L							L	L
16	2020623	Bản đồ học	M							L	
17	1100086	Tâm lý học	M				M			M	M
18	1090166	Tiếng Anh 2	M						M	M	L
19	1080039	Địa lý tự nhiên đại cương 2	M					L	L	L	L
20	1010477	Thống kê Toán học (Su phạm Địa lý)	M					L	L		
Phần tự chọn (Chọn 1 trong 2)											
21	2030487	Lịch sử văn minh thế giới	L							L	L
22	2030408	Cơ sở văn hóa Việt Nam	L							L	L
Phần tự chọn (Chọn 1 trong 8)											
23	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	M							M	
24	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	M							M	
25	1120179	Giáo dục thể chất 2	M							M	

		(Bóng rổ 2)									
26	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	M							M	
27	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	M							M	
28	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	M							M	
29	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	M							M	
30	1120240	Giáo dục thể chất 2 (Pickle ball 2)	M							M	
31	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M							M	M
32	2030410	Giáo dục học	M		L	L	M				M
33	1080040	Địa lý tự nhiên đại cương 3	M					L		M	
34	1080177	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	M					L	L	M	
35	2020389	Địa lý tự nhiên thế giới 1		M				L			
36	2020390	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1		M				L		M	L
<i>Phần tự chọn (Chọn 1 trong 8)</i>											
37	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	M								
38	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)	M								
39	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	M								
40	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	M								
41	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	M								
42	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	M								
43	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	M								
44	1120241	Giáo dục thể chất 3 (Pickle ball 3)	M								
45	1130302	Lịch sử Đảng CSVN	M							M	M
46	2010156	Giao tiếp sư phạm	M				M			M	M
47	2020391	Địa lý kinh tế - xã	M						M	M	L

		hội đại cương 2									
48	2020392	Địa lý tự nhiên thế giới 2		M					M	L	L
49	2020393	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2		M					M	L	L
50	2010077	Thực địa Địa lý tự nhiên tổng hợp			M					L	L
51	2010221	Phương pháp nghiên cứu KH Địa lý		M				M	M	H	M
52	2010220	Lí luận dạy học Địa lý			M	L	M			L	L
Tự chọn (Chọn 1 trong 2)					L					L	L
53	2020831	Địa lý địa phương			L					L	L
54	2020830	Địa danh Việt Nam									
55	1130091	Tư tưởng HCM	M				M			L	H
56	2010171	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông	M			L	M			M	M
57	2020823	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1		M						M	M
58	2020825	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1		M					M	M	M
59	2010223	Phương pháp và kĩ thuật dạy học Địa lý		L	M	L			L		M
60	2020828	Tiếng Anh chuyên ngành Địa lý		L			L			M	L
61	2010222	Phát triển chương trình Địa lý ở trường phổ thông		M				M		M	L
62	1120168	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	M								
63	1120169	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	M								
64	1120170	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	M								
65	1120171	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	M								
66	2020824	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2		H				M		M	M
67	2020829	GIS và ứng dụng GIS trong Địa lý		L					M	M	L
68	2020826	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2		H				M		H	H

89	2010084	Khóa luận tốt nghiệp		H	H			H	H	H	H
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp											
91	2020834	Một số vấn đề Địa lý tự nhiên hiện đại		H				H	H		H
92	2020835	Một số vấn đề Địa lý kinh tế - xã hội hiện đại			H			H		H	
90	2010230	Phát triển năng lực sử dụng công cụ Địa lý học cho học sinh THPT			H			H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [1130299], [Triết học Mác - Lênin], [03]

Là một trong những môn học bắt buộc trong chương trình bậc đại học được dạy vào học kỳ 1 của chương trình đào tạo, góp phần cung cấp thế giới quan và phương pháp luận khoa học để học tập các học phần tiếp theo cũng như định hướng cho hoạt động thực tiễn. Khái quát hóa những vấn đề lý luận chung về triết học và triết học Mác – Lênin như giới thiệu về Địa lý, điều kiện hình thành và phát triển; những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin... Đặc biệt là trang bị kiến thức về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc giải quyết các vấn đề Địa lý - xã hội trong chủ nghĩa duy vật Địa lý.

2.6.2. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác - Lênin], [02]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 bàn về những vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.6.3. [1130049], [Pháp luật đại cương], [02]

Học phần được triển khai giảng dạy trong Kỳ 1, đóng vai trò là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật, đồng thời cung cấp cho người học những kiến thức khái quát về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của pháp luật từ đó hình thành ý thức và kỹ năng thực hiện pháp luật trong thực tiễn cuộc sống.

2.6.4. [1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [02]

Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học bắt buộc thuộc thành phần giáo dục đại cương, được giảng dạy ở học kỳ 3 trong Chương trình đào tạo. Nội dung môn học gồm 7 chương, trang bị những kiến thức chính trị - xã hội cơ bản cho người học như sứ mệnh Địa lý của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình... trong TKQĐ lên CNXH.

2.6.5. [1130302], [Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam], [02]

Học phần thuộc học kỳ 4, là học phần bắt buộc trong chương trình học. Học phần góp phần cung cấp các quan điểm chính trị đúng đắn, nắm bắt được đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam cho người học. Nội dung môn học gồm 3 chương, trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

2.6.6. [1130091], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [02]

Học phần thuộc học kỳ 5, là học phần bắt buộc trong chương trình học, thuộc thành phần giáo dục đại cương. Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự

vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.6.7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)], [01]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 1 trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản như: các bài tập khởi động, kỹ thuật tâng bóng, kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, các bài tập thể lực, và thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 5 người.

2.6.8. [1120173], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)], [01]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 2 trang bị cho người học kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao, và thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 7 người.

2.6.9. [1120174], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)], [01]

Bóng đá là môn thể thao có tác dụng nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí, phát triển con người toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, trong thi đấu giúp tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể. Học phần bóng đá 3 trang bị cho người học kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật ném biên, đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật nhận bóng, ôn tập nâng cao các kỹ thuật tâng bóng, sút bóng, dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 11 người, thực hành thi đấu theo điều luật của Bóng đá 11 người, kiến thức về lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam

2.6.10. [1120175], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)], [01]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học

phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.11. [1120176], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)], [01]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ kỹ thuật bóng chuyền. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay; kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.12. [1120177], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)], [01]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ kỹ thuật bóng chuyền. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay; kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.13. [1120178], [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)], [01]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.14. [1120179], [Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)], [01]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.15. [1120180], [Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)], [01]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.16. [1120181], [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)], [01]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất. Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.17. [1120182], [Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)], [01]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất. Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội

2.6.18. [1120183], [Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)], [01]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học. Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất. Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông. Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.19. [1120184], [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)], [01]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 1 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền thuật nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển vận động, thành tích học tập. Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.20. [1120185], [Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)], [01]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 1 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền thuật nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển vận động,

thành tích học tập. Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.21. [1120186], [Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)], [01]

Học phần thể thao tự chọn theo định hướng (bắt buộc) – Võ cổ truyền Việt Nam 1 này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền thuật nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển vận động, thành tích học tập. Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.22. [1120187], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)], [01]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)... Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây: Lịch sử phát triển Taekwondo; Phân tích các kỹ thuật Taekwondo; Luật thi đấu Taekwondo; Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công; Kỹ thuật đối luyện; Kỹ thuật quyền. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.23. [1120188], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)], [01]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)... Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây: Lịch sử phát triển Taekwondo; Phân tích các kỹ thuật Taekwondo; Luật thi đấu Taekwondo; Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công; Kỹ thuật đối luyện; Kỹ thuật quyền. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.24. [1120189], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)], [01]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)... Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây: Lịch sử phát triển Taekwondo; Phân tích các kỹ thuật Taekwondo; Luật thi đấu Taekwondo; Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công; Kỹ thuật đối luyện; Kỹ thuật quyền. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.25. [1120190], [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)], [01]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tổ chức thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.26. [1120191], [Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)], [01]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.27. [1120192], [Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)], [01]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.28. [1120239], [Giáo dục thể chất 1 (Pickleball 1)], [01]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn Pickle ball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.29. [1120240], [Giáo dục thể chất 2 (Pickleball 2)], [01]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn Pickle ball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ

bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.30. [1120241], [Giáo dục thể chất 3 (Pickleball 3)], [01]

Pickle ball là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn Pickle ball, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Pickle ball. Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.35. [1090061], [Tiếng Anh 1], [03]

Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, thuộc khối Kiến thức đại cương và được giảng dạy ở học kỳ một. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những khía cạnh văn hóa Anh liên quan đến những chủ đề giới thiệu bản thân, kỷ niệm, những vấn đề cần suy ngẫm, mục tiêu và hoài bão; ở nhà và xa nhà. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngôn ngữ và văn hóa Anh đã học vào thực hành nghe, nói, đọc và viết ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ hỗ trợ với học phần Tiếng Anh 2 và Tiếng Anh chuyên ngành.

2.6.36. [1090166], [Tiếng Anh 2], [04]

Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, thuộc khối Kiến thức đại cương và được giảng dạy ở học kỳ hai. Học phần trang bị thêm cho sinh viên kiến thức ở cấp độ tiền trung cấp về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp đã học trong Tiếng Anh 1 và những khía cạnh văn hóa Anh về các chủ đề hành trình, cảm hứng thay đổi, việc làm, sức khỏe và hạnh phúc, giải trí và thử thách. Kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức ngữ pháp và văn hóa Anh đã học vào thực hành nghe, nói, đọc và viết ở cấp độ tiền trung cấp. Học phần có quan hệ hỗ trợ với học phần Tiếng Anh chuyên ngành.

2.6.37. [2010156], [Giao tiếp sư phạm], [02]

Giao tiếp sư phạm là học phần thuộc khối kiến giáo dục đại cương và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 2 năm thứ nhất. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về lý luận giao tiếp, giao tiếp sư phạm; kỹ năng giao tiếp sư phạm; kỹ năng xử lý các tình huống giao tiếp sư phạm mà người giáo viên thường gặp. Đồng thời, thông qua các hoạt động thực hành và các hoạt động học tập khác, người học được rèn luyện kỹ năng giao tiếp hiệu quả, phát triển năng lực sư phạm và xây dựng môi trường giáo dục tích cực.

2.6.38. [2010171], [Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông], [02]

Học phần *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông* là học phần thuộc khối kiến giáo dục đại cương và được tổ chức giảng dạy vào học kì V, năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho SV những kiến thức lý luận chung về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; các hình thức, biện pháp tổ chức và đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông. Qua đó, sinh viên được rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch, thực hành tổ chức hoạt động và vận dụng các phương pháp, công cụ đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với thực tiễn giáo dục phổ thông.

2.6.39. [1050242], [Tin học cơ sở], [03]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của ngành học, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Microsoft.

2.6.40. [1100086], [Tâm lý học], [03]

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản của khoa học tâm lý, bao gồm: bản chất của các hiện tượng tâm lý, hoạt động nhận thức, nhân cách; đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức. Qua đó, sinh viên hình thành năng lực giải thích, phân tích và vận dụng kiến thức tâm lý học vào thực tiễn giáo dục; phát triển

năng lực giao tiếp sư phạm, giáo dục đạo đức và xây dựng môi trường học tập tích cực, phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp giáo viên.

2.6.41. [1100026], [Giáo dục học], [04]

Học phần “Giáo dục học” trang bị cho sinh viên những hiểu biết toàn diện về giáo dục, về nghề dạy học và công việc của người giáo viên trong nhà trường trung học. Thông qua việc trang bị những nội dung tổng thể về khoa học giáo dục, quá trình dạy học, quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp) và công tác quản lý nhà trường, quản lý học sinh, giúp sinh viên bồi dưỡng thái độ tích cực với nghề và xác định phương hướng rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2.6.42. [2020634], [Địa chất học], [02]

Học phần Địa chất học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Khoa học địa chất và ý nghĩa của học phần đối với nghiên cứu về địa lý học và địa lý ứng dụng. Các nội dung bao gồm: Các định nghĩa, đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và các phương pháp nghiên cứu của địa chất học; đặc điểm của khoáng vật và đá cấu tạo nên Trái Đất; các quá trình địa chất nội sinh và ngoại sinh tác động làm biến đổi đá, khoáng vật và vỏ Trái Đất; Những kiến thức cơ bản về địa tầng và địa chất cấu tạo; thuyết địa kiến tạo mảng; giải thích lịch sử tiến hóa của vỏ Trái Đất trong quá khứ, hiện tại và tương lai; và những ứng dụng từ kết quả nghiên cứu địa chất khu vực. Đồng thời, học phần còn rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá về địa chất và môi trường thông qua những số liệu, bảng tính, bản đồ, biểu đồ có trong môn học; Học phần cũng giúp cho người học khả năng phối hợp làm việc nhóm, hùng biện...

2.6.43. [2020623], [Bản đồ học], [03]

Bản đồ học cung cấp các kiến thức cơ bản của khoa học bản đồ, các công nghệ và phương pháp thành lập bản đồ; khả năng ứng dụng của bản đồ cho các ngành khoa học liên quan (trong đó đặc biệt là ngành khoa học về Trái Đất như: Sư phạm Địa lý, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường..), xu hướng phát triển của ngành Bản đồ trong tương lai. Cơ sở kiến thức về bản đồ giúp sinh viên có thể thực hiện phân tích và sử dụng bản đồ trong các học phần chuyên ngành tiếp theo.

2.6.44. [1080038], [Địa lý tự nhiên đại cương 1], [03]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về Trái đất, tập trung vào nguồn gốc của Trái đất (Trái đất trong vũ trụ), các vận động của Trái đất và hệ quả địa lý, đặc điểm cấu trúc của Trái đất; kiến thức về thạch quyển, địa hình bề mặt Trái đất, các dạng địa hình chính, quá trình thành tạo và sự phân hóa địa hình trên Trái đất. Người học được rèn luyện khả năng sử dụng phần mềm địa lý, nhận biết, mô tả, phân tích các yếu tố địa hình, vận dụng kiến thức địa lý để giải thích sự hình thành, biến đổi của địa hình theo không gian và thời gian. Học phần cũng định hướng cho người học vận dụng kiến thức môn học vào giảng dạy môn Địa lý ở phổ thông. Học phần giữ vai trò nền tảng trong khối kiến thức Địa lý tự nhiên, là cơ sở cho các học phần chuyên sâu của Địa lý học.

2.6.45. [1080039], [Địa lý tự nhiên đại cương 2], [03]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khí quyển Trái đất: Cấu trúc khí quyển; các yếu tố khí tượng (*bức xạ, nhiệt độ, khí áp, gió, độ ẩm, mưa...*); hiện tượng thời tiết; hoàn lưu khí quyển; khí hậu Trái đất (*nhân tố hình thành khí hậu, sự phân đới/phân kiểu khí hậu, đặc điểm các đới khí hậu trên Trái đất*), về biến đổi khí hậu...; Những kiến thức nền tảng về thủy quyển: Nước trên Trái đất và vai trò của tài nguyên nước; khái niệm thủy quyển; nước trên lục địa (*dòng chảy sông ngòi, nước ngầm, băng và băng hà...*); biển và đại dương và vận động của nước trong biển - đại dương. Người học được rèn luyện khả năng sử dụng phần mềm địa lý, nhận biết, mô tả, phân tích các yếu tố thời tiết, khí hậu, thủy văn; vận dụng kiến thức địa lý để giải thích sự hình thành, biến đổi của khí hậu, các hiện tượng thủy - hải văn. Học phần là cơ sở để học chuyên sâu về địa lý tự nhiên thế giới và Việt Nam.

2.6.46. [1080040], [Địa lý tự nhiên đại cương 3], [03]

Học phần Địa lý tự nhiên đại cương 3 là học phần bắt buộc trong chương trình Sư phạm Địa lý. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thổ nhưỡng quyển, sinh quyển, các quy luật địa lý chung của Trái đất và cảnh quan. Đồng thời trang bị cho sinh viên kiến thức của các quy luật phát sinh, phát triển và phân bố của sinh vật thổ nhưỡng, sinh vật và, quy luật phân hóa cảnh quan.

2.6.47. [1080177], [Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1], [03]

Học phần Địa lý KT-XH đại cương 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về Địa lý xã hội như đối tượng, nhiệm vụ, vị trí của địa lý KT-XH trong hệ thống khoa học Địa lý, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý KT- XH;

Địa lý dân cư, địa lý xã hội và một số vấn đề môi trường, tài nguyên thiên nhiên, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trong nền sản xuất xã hội. Thông qua đó, người học rèn luyện một số kỹ cần thiết về phân tích, xử lý số liệu thống kê, so sánh và tìm ra mối quan hệ giữa các sự vật hiện tượng KT-XH trong nền sản xuất. Đồng thời, người học có nhận thức đúng đắn giữa việc khai thác, sử dụng tài nguyên gắn với sản xuất theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Học phần này không chỉ là chiếc cầu nối giữa khối kiến thức Địa lý tự nhiên với khối kiến thức Địa lý kinh tế - xã hội và là nền tảng để người học tiếp tục nghiên cứu, học tập ở các học phần Địa lý KT-XH thế giới, Địa lý KT-XH Việt Nam trong chương trình đào tạo.

2.6.48. [2020391], [Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2], [03]

Học phần Địa lý KT-XH đại cương 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về Địa lý kinh tế, trong đó chú trọng ở khối kiến thức Một số vấn đề về nền KT-XH hiện nay và Địa lý các ngành kinh tế. Thông qua đó, giúp người học nắm vững những nội dung liên quan đến nguồn lực phát triển và các tiêu chí đánh giá nền kinh tế quốc dân, hệ thống không gian nền kinh tế và địa lý các ngành kinh tế (nông, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp – xây dựng; dịch vụ). Đồng thời, người học rèn luyện một số kỹ năng về phân tích, xử lý số liệu thống kê, báo cáo, kỹ năng thành lập bản đồ và xây dựng hiểu đồ và có những nhận thức đúng đắn về phát huy trách nhiệm cá nhân trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường gắn với các ngành kinh tế trong giai đoạn hiện nay. Cùng với học phần Địa lý KT-XH đại cương 1, học phần này là chiếc cầu nối giữa khối kiến thức Địa lý tự nhiên với khối kiến thức Địa lý kinh tế - xã hội và là nền tảng để người học tiếp tục nghiên cứu, học tập ở các học phần Địa lý KT-XH thế giới, Địa lý KT-XH Việt Nam trong chương trình đào tạo.

2.6.49. [1010477],[Thống kê Toán học], [02]

Học phần *Thống kê Toán học* trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống các phương pháp thống kê bao gồm việc thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu để đưa ra những kết luận và dự đoán. Cụ thể, học phần giới thiệu cho người học nhiều phương pháp thu thập dữ liệu Địa lý kinh tế - xã hội, hướng dẫn người học tổng hợp, mô tả dữ liệu bằng các đại lượng đo lường đơn giản để có cái nhìn ban đầu về dữ liệu thu thập được, cung cấp cho người học cách thức áp dụng những kết quả trong Lý thuyết thống kê để phân tích dữ liệu, từ đó giúp người học đưa ra những nhận định và dự đoán liên quan đến vấn đề

đang nghiên cứu. Bên cạnh đó, học phần này cũng giới thiệu với sinh viên các phần mềm làm công cụ hỗ trợ cho việc xử lý số liệu thống kê nhằm tiết kiệm thời gian, công sức và gia tăng độ chính xác của kết quả tính toán; giúp sinh viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này. Học phần *Thống kê Toán học* góp phần rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận xét các số liệu Địa lý kinh tế - xã hội cho sinh viên ngành Sư phạm Địa lý, kỹ năng khá cần thiết trong quá trình học tập, giảng dạy và nghiên cứu Địa lý.

2.6.50. [2030487], [Lịch sử văn minh thế giới], [02]

Lịch sử văn minh thế giới là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành được tổ chức giảng dạy vào học kỳ thứ 4 năm thứ hai. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về các nền văn minh ở phương Đông và phương Tây qua từng thời kỳ lịch sử. Cùng với đó, học phần giúp người học nắm được nét đặc thù và tính phổ quát cũng như quy luật cơ bản phát triển của văn minh nhân loại.

2.6.51. [2030408], [Cơ sở văn hóa Việt Nam], [02]

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành trong chương trình đào tạo. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng kiến thức cơ sở văn hóa Việt Nam để thực hiện công việc chuyên môn, rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, đồng thời biết vận dụng và phát huy những giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.

2.6.52. [2020820], [Địa lý tự nhiên thế giới 1], [03]

Học phần Địa lý tự nhiên thế giới 1 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo sư phạm Địa lý. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về địa lý tự nhiên các châu lục (châu Phi, châu Âu, châu Á), giúp người học hiểu rõ hơn các nhân tố hình thành tự nhiên một lãnh thổ (vị trí, hình dạng lãnh thổ, lịch sử phát triển tự nhiên), đặc điểm địa lý tự nhiên (địa chất, địa hình, khí hậu, sông ngòi và hồ, các đới cảnh quan) châu Phi, châu Âu, châu Á; Đồng thời, giúp người học nắm được các quy luật phân hóa thiên nhiên, đặc trưng của mỗi châu lục, đặc điểm địa lý một số khu vực tự nhiên trên mỗi châu; cung cấp các kiến thức khái quát về nhân văn và quá trình khai thác sử dụng tự nhiên phục vụ nhu cầu phát triển của con người.

2.6.53. [2020821], [Địa lý tự nhiên thế giới 2], [02]

Nội dung học phần bao gồm khái niệm về sinh thái môi trường và các phương pháp nghiên cứu sinh thái, nguyên lý cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái, vai trò của các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sinh vật và con người, cũng như cơ sở sinh thái của quần thể và quần xã sinh vật. Học phần cũng đề cập đến các chỉ thị sinh thái, khả năng tự làm sạch của hệ sinh thái và một số ứng dụng sinh thái học trong đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường.

2.6.54. [2020390], [Địa lý tự nhiên Việt Nam 1], [3]

Khái quát về vị trí Địa lý, phạm vi lãnh thổ và ý nghĩa của chúng đối với việc hình thành các đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam. Khoáng sản Việt Nam. Đặc điểm địa hình. Đặc điểm khí hậu và sự phân hóa khí hậu. Đặc điểm sông ngòi và các hệ thống sông chính; đặc điểm hải văn Biển Đông. Đặc điểm thổ nhưỡng và các loại đất chính. Đặc điểm sinh vật và các hệ địa sinh thái đặc trưng. Các vấn đề về sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường tự nhiên Việt Nam.

2.6.55. [2020393], [Địa lý tự nhiên Việt Nam 2], [3]

Học phần khái quát về phân vùng Địa lý tự nhiên trên lãnh thổ nước ta. Đồng thời làm sáng tỏ những sự khác nhau của các thể tổng hợp Địa lý tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam, xác định và minh chứng tính chất phức tạp và không đồng nhất về cấu trúc và thành phần cấu tạo: cụ thể là 03 miền Địa lý tự nhiên nhằm sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, làm giảm nhẹ thiên tai ở từng khu vực trên đất nước ta.

2.6.56. [2020823], [Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 1], [02]

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, có hệ thống về sự phân hóa trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các nhóm nước trên thế giới; phân tích các xu hướng lớn như toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế, các vấn đề an ninh toàn cầu và đặc điểm của nền kinh tế tri thức. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu nội dung, đặc điểm và tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), từ đó giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và khoa học về những biến đổi trong không gian kinh tế - xã hội toàn cầu hiện nay.

2.6.57. [2020824], [Địa lý kinh tế - xã hội thế giới 2], [04]

Học phần Địa lý kinh tế – xã hội thế giới 2 cung cấp cho sinh viên những tri thức hệ thống và chuyên sâu về đặc điểm địa lý tự nhiên, dân cư – xã hội, và tình hình phát triển kinh tế của các khu vực và quốc gia tiêu biểu trên thế giới như Mỹ Latinh, Đông Nam Á, Tây Nam Á, Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Australia và Nam Phi. Thông qua việc phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên, nguồn lực xã hội và sự phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, học phần giúp người học hình thành tư duy tích hợp và khả năng hệ thống hóa kiến thức địa lý khu vực – quốc gia. Đặc biệt, học phần chú trọng rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ, số liệu, biểu đồ và các công cụ địa lý khác để thu thập, xử lý và trình bày thông tin; phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu thông qua các bài thực hành và báo cáo học thuật. Đây là học phần quan trọng nhằm hỗ trợ sinh viên xây dựng nền tảng kiến thức ngành và thực hành nghề nghiệp, phục vụ cho việc thiết kế các kế hoạch bài dạy Địa lý ở trường phổ thông theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

2.6.58. [2020825], [Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1], [03]

Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1 là học phần bắt buộc trong đào tạo ngành Sư phạm Địa lý. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp và nội dung nghiên cứu về Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam; Vai trò, vị trí của Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập; Nguồn lực vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ; Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên; Nguồn lực dân cư và nguồn lao động; Nguồn lực hệ thống tài sản quốc gia; Nguồn lực bên ngoài (Ngoại lực).

2.6.59. [2020826], [Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2], [04]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức thực tiễn về các ngành kinh tế và các vùng kinh tế của Việt Nam, cụ thể: Vai trò, đặc điểm của các ngành kinh tế trong nền kinh tế quốc dân; Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế; Tình hình phát triển và phân bố các ngành kinh tế; Tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế ở Việt Nam; Quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam; Các loại vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam; Tổ chức lãnh thổ các vùng kinh tế: Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long; Đặc trưng các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam.

2.6.60. [2020822], [Địa lý biển, đảo Việt Nam], [02]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về địa lý biển Đông và vùng biển, đảo Việt Nam; nguồn tài nguyên vùng biển, đảo Việt Nam; vai trò, vị thế của biển, đảo đối với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam; các quyền, lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông và vấn đề tranh chấp chủ quyền biển Đông; vấn đề khai thác, sử dụng hợp lý biển tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng biển, đảo Việt Nam.

2.6.61. [2020402], [Quần cư và đô thị hóa], [02]

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng về quần cư và đô thị hóa dưới góc nhìn Địa lý. Nội dung bao gồm: khái niệm, nhân tố ảnh hưởng, hình thức tổ chức và phân loại quần cư; bản chất, tiêu chí, đặc điểm, các xu hướng và tác động của quá trình đô thị hóa trên thế giới và ở Việt Nam. Học phần chú trọng phân tích so sánh giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển, đánh giá ảnh hưởng của đô thị hóa đến dân số, kinh tế - xã hội và môi trường, đồng thời rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ, biểu đồ và tư duy phân tích trong nghiên cứu Địa lý dân cư và đô thị.

2.6.62. [2020827], [Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam], [02]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn về hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam, bao gồm: Tổng quan về hội nhập kinh tế thế giới (Khái niệm, nội dung của hội nhập, các hình thức hội nhập, xu hướng hội nhập, những lợi ích và bất lợi của hội nhập kinh tế quốc tế, các nhân tố ảnh hưởng đến hội nhập kinh tế quốc tế, lịch sử hội nhập kinh tế quốc tế); Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam (Quan điểm hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam qua các thời kì, Cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam); Các hiệp định thương mại Việt Nam tham gia.

2.6.63. [2020828], [Tiếng Anh chuyên ngành Địa lý], [02]

Học phần này được biên soạn cho sinh viên ngành Sư phạm Địa lý đã đạt được trình độ tiếng Anh tương đương A. Sau khi hoàn tất khóa học tiếng Anh chuyên ngành vào năm thứ tư, các sinh viên sẽ đạt được trình độ tiếng Anh tương đương B. Học phần nhằm vào các khía cạnh của các chủ đề địa lý tự nhiên, xã hội, môi trường nhằm giúp sinh viên làm quen với các từ vựng, ý kiến cũng như các vấn đề liên quan tới chủ đề đó. Giúp cho sinh viên có khả năng thảo luận các đề tài chuyên ngành bằng tiếng Anh thông qua việc sử dụng vốn từ đã được học..

2.6.64. [2020829], [GIS và ứng dụng GIS trong Địa lý], [02]

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hệ thống Thông tin Địa lý (GIS), bao gồm khái niệm, thành phần, chức năng, và các ứng dụng của GIS trong nghiên cứu và giảng dạy môn Địa lý ở trường phổ thông. Học phần trang bị kỹ năng sử dụng một số phần mềm GIS phổ biến như QGIS, ArcGIS, kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu không gian, dữ liệu Địa lý. Bên cạnh đó, học phần còn hướng dẫn sinh viên thiết kế các bài học Địa lý có tích hợp công cụ GIS, góp phần đổi mới phương pháp dạy học và phát triển năng lực số cho sinh viên. Ngoài ra, sinh viên được thực hành xây dựng bản đồ số, phân tích bản đồ, và xây dựng kế hoạch bài dạy ứng dụng GIS.

2.6.65. [1080162], [Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai], [02]

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng và cập nhật về biến đổi khí hậu và thiên tai trong bối cảnh toàn cầu và Việt Nam. Sinh viên được tìm hiểu đặc điểm, nguyên nhân, tác động và các kịch bản BĐKH, đồng thời phân tích nguy cơ rủi ro thiên tai và đề xuất các giải pháp thích ứng, phòng chống theo hướng phát triển bền vững. Quá trình học tập kết hợp lý thuyết với tình huống thực tiễn nhằm rèn luyện tư duy phản biện, làm việc nhóm và năng lực truyền thông, giáo dục cộng đồng về BĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

2.6.66. [1080174], [Sinh thái môi trường], [02]

Nội dung học phần bao gồm khái niệm về sinh thái môi trường và các phương pháp nghiên cứu sinh thái, nguyên lý cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái, vai trò của các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sinh vật và con người, cũng như cơ sở sinh thái của quần thể và quần xã sinh vật. Học phần cũng đề cập đến các chỉ thị sinh thái, khả năng tự làm sạch của hệ sinh thái và một số ứng dụng sinh thái học trong đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường.

2.6.67. [2020831], [Địa lý địa phương], [02]

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, có hệ thống về địa lý địa phương. Nội dung học phần gồm nghiên cứu và giảng dạy ĐLĐP. Thông qua việc cung cấp các kiến thức cơ bản trong nghiên cứu ĐLĐP, các phương pháp cụ thể để khảo sát và nghiên cứu ĐLĐP, giúp người học nắm được cách thức nghiên cứu về địa lý địa phương và biết cách biên soạn tài liệu giảng dạy ĐLĐP, cũng như giảng dạy ĐLĐP.

2.6.68. [2020394], [Địa danh Việt Nam], [02]

Nội dung học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về địa danh học và địa danh Việt Nam, qua đó hiểu được nguyên tắc đặt tên và các mối liên hệ giữa các hiện tượng tự nhiên và kinh tế - xã hội, cũng như những biến đổi của lịch sử và ngôn ngữ... đối với địa danh Việt Nam. Sự hiểu biết về Địa danh học và địa danh Việt Nam sẽ làm cho người học hứng thú học tập, ghi nhớ được kiến thức về Địa lý và góp phần làm trong sáng ngôn ngữ tiếng Việt.

2.6.69. [2020832], [Địa lý du lịch], [02]

Học phần Địa lý du lịch sử dụng nguồn tài liệu được cập nhật thường xuyên, đặc biệt nguồn thông kê có cơ sở khoa học và chính xác phục vụ quá trình học tập, các nghiên cứu chuyên sâu sau này của sinh viên. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản ở 3 nội dung chính: Cơ sở lí luận về địa lý du lịch: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu Địa lý du lịch; vai trò của du lịch; Sản phẩm và loại hình du lịch; các nhân tố ảnh hưởng sự phát triển và phân bố du lịch; hệ thống chỉ tiêu và các cấp phân vị trong phân vùng du lịch. Địa lý du lịch thế giới: Quá trình phát triển du lịch thế giới; các tác động mang tính toàn cầu đến sự phát triển du lịch; xu hướng phát triển du lịch thế giới; các vùng du lịch trên thế giới. Địa lý du lịch Việt Nam: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch Việt Nam; thực trạng phát triển du lịch Việt Nam; các vùng du lịch Việt Nam.

2.6.70. [2020833], [Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á], [02]

Học phần “Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á” cung cấp cho người học kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các vấn đề kinh tế – xã hội và môi trường nổi bật trong khu vực Đông Nam Á hiện nay. Thông qua việc phân tích các trường hợp tiêu biểu như Ủy hội sông Mê Công (MRC), hợp tác khai thác Biển Đông, thích ứng biến đổi khí hậu tại Đồng bằng sông Cửu Long và vai trò của ASEAN, học phần giúp sinh viên hiểu rõ bối cảnh địa – chính trị, chiến lược hợp tác khu vực, cũng như vai trò và lợi ích của Việt Nam trong tiến trình hội nhập khu vực.

2.6.71. [2010220], [Lý luận dạy học Địa lý], [03]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về Lý luận dạy học Địa lý. Nội dung chính của học phần: Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu của Lý luận dạy học Địa lý; Khoa học Địa lý và môn Địa lý trong nhà trường; Hệ thống tri thức Địa lý và quá trình nắm tri thức của HS; Vận dụng các nguyên tắc trong dạy học Địa lý; Hình thức tổ chức dạy học Địa lý, Phương tiện thiết bị dạy học Địa lý; Công việc của người giáo viên Địa lý ở nhà trường phổ thông; Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lý. Dựa trên kiến thức của học phần, người học bước đầu biết vận

dụng lí luận vào thực tiễn dạy học bộ môn và là cơ sở cho việc học tập các học phần cụ thể về Phương pháp dạy học Địa lý; Đồng thời, góp phần phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác; ý thức trách nhiệm nghề nghiệp của người GV Địa lý trong bối cảnh đổi mới giáo dục ở trường phổ thông hiện nay.

2.6.72. [2010221], [Phương pháp nghiên cứu khoa học Địa lý], [02]

Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần giúp người học hiểu được những nội dung cơ bản về hệ thống lý luận, các phương pháp luận (quan điểm nghiên cứu) và phương pháp nghiên cứu cũng như quy trình nghiên cứu vấn đề khoa học dưới hình thức một đề tài và những quy định chung nhất khi viết đề tài (thuộc lĩnh vực Địa lý tự nhiên, Địa lý KT - XH) mà người nghiên cứu phải thực hiện. Thông qua học phần, người học sẽ có được những kiến thức và kĩ năng cơ bản để thực hiện nghiên cứu một đề tài khoa học Địa lý, góp phần rèn luyện các kĩ năng, phương pháp nghiên cứu, tính tự chủ và bồi dưỡng niềm đam mê nghiên cứu khoa học, góp phần phát triển năng lực sử dụng công nghệ số và đạo đức nghề nghiệp cho người học.

2.6.73. [2010222], [Phát triển chương trình Địa lý ở trường phổ thông], [02]

Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần giúp người học hiểu về cách mà một chương trình giáo dục vận hành, thay đổi và phát triển. Nội dung học phần sẽ cung cấp cách nhìn tổng quan về lý thuyết phát triển chương trình giáo dục, tập trung vào phát triển chương trình giáo dục nhà trường. Người học cũng sẽ học cách phát triển chương trình Địa lý thông qua thiết kế kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và kế hoạch giáo dục của giáo viên để vận dụng vào công việc trong tương lai một cách hiệu quả. Đồng thời, góp phần phát triển năng lực hợp tác và đạo đức nghề nghiệp cho người học.

2.6.74. [2010223], [Phương pháp và kĩ thuật dạy học Địa lý], [03]

Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần giúp người học hiểu được những vấn đề chung về phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực, các phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong môn Địa lý ở THPT, trên cơ sở đó người học lựa chọn và sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học một chủ đề trong Địa lý ở trường phổ thông. Thông qua học phần còn góp phần hình thành năng lực kiểm tra, đánh giá; năng lực số và góp phần phát triển phẩm chất của người giáo viên Địa lý.

2.6.75. [2010224], [Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học Địa lý], [03]

Học phần *cung cấp* cho người học kiến thức nền tảng về xây dựng kế hoạch dạy học Địa lý, bao gồm kế hoạch dạy học và giáo dục môn học, kế hoạch dạy học bài học Địa lý ở trường THPT; Thông qua đó, người học biết và hiểu được việc tổ chức dạy

học Địa lý ở trường THPT, rèn luyện cho người học kỹ năng tổ chức dạy học Địa lý ở trường THPT.

2.6.76. [2010227], [Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lý], [02]

Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lý là học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lý ở Trung học phổ thông, bao gồm những nội dung cơ bản sau: Những vấn đề chung về đổi mới kiểm tra và đánh giá trong dạy học Địa lý; Các hình thức kiểm tra, đánh giá: Quan sát, vấn đáp, kiểm tra tự luận, trắc nghiệm khách quan, bài tập, học sinh tự đánh giá,...; Thông qua học phần, sinh viên được rèn luyện năng lực xây dựng công cụ kiểm tra đánh giá: Đề kiểm tra và đáp án môn Địa lý, phiếu đánh giá,... phù hợp với thực tiễn giáo dục phổ thông.

2.6.77. [2010081], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1], [02]

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1 là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 6 năm thứ ba. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần trình bày những nhận thức cơ bản về rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên sư phạm Địa lý. Từ nhận thức lý luận, giảng viên hướng dẫn và tổ chức sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản: diễn đạt; trình bày bảng; xây dựng và sử dụng phương tiện dạy học Địa lý; lập hồ sơ tư liệu dạy học, hồ sơ chủ nhiệm; tổ chức hoạt động nhóm; tổ chức tự học; xử lý tình huống sư phạm; tổ chức hoạt động ngoại khóa; công tác chủ nhiệm lớp.

2.6.78. [2010226], [Ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lý], [03]

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: Các khái niệm và vai trò của CNTT trong dạy học Địa lý; những kiến thức và kỹ năng sử dụng một số thiết bị, học liệu, phần mềm phổ biến của chuyên ngành trong dạy học. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng để xử lý dữ liệu, thông tin, hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ, thiết kế giáo án điện tử,... phục vụ trực tiếp cho quá trình dạy học môn Địa lý ở nhà trường trung học phổ thông.

2.6.79. [2010225], [Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng], [02]

Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần giúp người học hiểu được vai trò và ý nghĩa của nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; so sánh được hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng với hoạt động viết sáng kiến kinh nghiệm, hoạt động nghiên cứu bài học của giáo viên; phân tích được quy trình và các

phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng phù hợp với từng cấp học.

2.6.80. [1080273], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2], [02]

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2 là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 7 năm thứ tư. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng thực hành xây dựng kế hoạch và giảng dạy các loại bài học thuộc chương trình môn Địa lý hiện hành, tổ chức hoạt động ngoại khóa và các hoạt động giáo dục. Trên cơ sở hoàn thành những bài thực hành này, sinh viên tiếp tục vận dụng sáng tạo, hiệu quả năng lực dạy học và giáo dục trong quá trình công tác ở trường phổ thông.

2.6.81. [2010079], [Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lý], [02]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về dạy học trải nghiệm Địa lý ở trường phổ thông. Nội dung chính của học phần gồm: Một số vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm trong dạy học Địa lý ; Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp môn Địa lý và Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giờ lên lớp môn Địa lý . Thông qua học phần góp phần phát triển năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm Địa lý cho SV. Đồng thời, góp phần phát triển năng lực kiểm tra, đánh giá; năng lực hợp tác và phẩm chất nghề nghiệp.

2.6.82. [2010228], [Dạy học tích hợp trong môn Địa lý], [02]

Dạy học tích hợp trong môn Địa lý là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 7 năm thứ tư. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần trình bày những kiến thức cơ bản về: Một số vấn đề chung về dạy học tích hợp; Mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học các nội dung tích hợp qua môn Địa lý; Quy trình, kỹ thuật thiết kế, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá hiệu quả đối với các chủ đề tích hợp trong môn Địa lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng xác định các công cụ kiểm tra, đánh giá và điều khiển quá trình giáo dục, quá trình dạy học Địa lý ở THPT.

2.6.83. [2010229], [Phương tiện dạy học Địa lý], [02]

Phương tiện dạy học Địa lý là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kì thứ 7 năm thứ tư. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn

đầu ra, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận của việc sử dụng phương tiện dạy học trong môn Địa lý ; phân loại và biện pháp sử dụng các loại phương tiện trong dạy học Địa lý ; khái niệm về bài giảng điện tử và các yêu cầu, quy trình thiết kế cũng như tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử; những nguyên tắc sử dụng và ứng dụng cơ bản của Internet cũng như một số phần mềm phổ biến, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học Địa lý ở trường trung học phổ thông.

2.6.84. [1150422], [Khởi nghiệp], [02]

Học phần Khởi nghiệp giúp trang bị cho người học kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu về khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, nhận diện cơ hội khởi nghiệp, hình thành ý tưởng khởi nghiệp, xây dựng mô hình kinh doanh, hoạch định con đường khởi nghiệp thông qua lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường. Ngoài ra ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi người học.

2.6.85. [2010077], [Thực địa Địa lý tự nhiên tổng hợp], [01]

Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tìm hiểu và nghiên cứu Địa lý Tự nhiên tổng hợp thông qua hoạt động tại các địa điểm thực tế... Qua đó, người học không chỉ xác định được những kiến thức Địa lý Tự nhiên tổng hợp Việt Nam cần thiết để xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy môn Địa lý, thực hiện được khả năng nghiên cứu khoa học, khả năng tự chủ, tự học, tự nghiên cứu và hợp tác, mà còn vận dụng được kiến thức giao tiếp vào thực tiễn và xác định được những vấn đề đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của người giáo viên, ý thức phục vụ cộng đồng thông, góp phần phát triển các mối quan hệ giữa nhà trường và xã hội.

2.6.86. [2010083], [Thực địa Địa lý Kinh tế - xã hội Việt Nam], [01]

Thực địa Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ và được tổ chức giảng dạy vào học kỳ thứ 6 năm thứ ba. Thực địa Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam là học phần bắt buộc trong đào tạo ngành Sư phạm Địa lý. Đây là phần tiếp theo của chương trình đào tạo, bồi dưỡng tri thức địa lý nói chung và Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam nói riêng cho người học.

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về một số đối tượng kinh tế - xã hội của địa phương giữa các vùng kinh tế khác nhau. Cụ thể: một số hình thức TCLT theo ngành kinh tế và TCLT theo không gian.

2.6.87. [1080092], [Thực tập sư phạm 1], [01]

Thực tập sư phạm 1 là học phần bổ trợ trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm, được tiến hành vào kì 7, năm thứ tư. Trên cơ sở mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần giúp sinh viên hình thành kỹ năng dạy học môn Địa lý; kỹ năng giáo dục; thực hiện năng lực giao tiếp với giáo viên và học sinh; năng lực giải quyết tình huống thực tế được trải nghiệm trong giờ học và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

2.6.88. [1080093], [Thực tập sư phạm 2], [05]

Thực tập sư phạm 2 là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm, được tiến hành vào kì 8, năm thứ tư. Trên cơ sở mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng dạy học môn Địa lý; thực hiện năng lực giao tiếp với giáo viên và học sinh; năng lực giải quyết tình huống thực tế được trải nghiệm trong giờ học. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng giáo dục và giải quyết các vấn đề giáo dục phù hợp với thực tiễn ở trường phổ thông.

2.6.89. [2010084], [Khóa luận tốt nghiệp], [06]

Học phần giúp cho người học nghiên cứu chuyên sâu một vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học Địa lý hoặc khoa học sư phạm ứng dụng trong dạy học Địa lý. Qua đó vận dụng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy trong suốt quá trình học để giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc chuyên ngành đào tạo. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, người học xây dựng và thực hiện đề tài nghiên cứu, phát triển tư duy phân tích, tư duy phản biện và kỹ năng nghiên cứu khoa học. Người học đủ điều kiện thực hiện khóa luận dựa trên kết quả học tập theo quy định của Nhà trường. Trong quá trình thực hiện, người học phải tuân thủ đúng quy trình và yêu cầu về hình thức, nội dung của khóa luận. Kết quả học phần được đánh giá thông qua buổi bảo vệ trước Hội đồng khoa học chuyên môn.

2.6.90. [2020834], [Một số vấn đề địa lý tự nhiên hiện đại], [02]

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và cập nhật về một số chủ đề tiêu biểu trong địa lý tự nhiên hiện đại, cả trên thế giới và ở Việt Nam. Nội dung bao gồm các lý thuyết mới, các xu hướng nghiên cứu hiện nay, các phương pháp tiếp cận hiện đại và các vấn đề đang được quan tâm như biến đổi khí hậu, tai biến thiên nhiên, phân vùng tự nhiên và cảnh quan môi trường.

2.6.91. [2020835], [Một số vấn đề địa lý kinh tế - xã hội hiện đại], [02]

Một số vấn đề Địa lý KT-XH hiện đại học phần thay thế tốt nghiệp trong chương

trình đào tạo ngành SP Địa lý, học phần này trang bị cho người học những nội dung chuyên sâu, hiện đại thuộc lĩnh vực Địa lý KT – XH với quan niệm con người là lực lượng sản xuất chính trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên phục vụ nền sản xuất xã hội, các nội dung trọng tâm là: Tri thức bản địa và cộng đồng các dân tộc trong khai thác tài nguyên thiên nhiên; phát triển sinh kế và giảm nghèo; vấn đề phát triển con người và nâng cao chất lượng cuộc sống; Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trong các ngành kinh tế; Phân vùng kinh tế và chuyển đổi số trong phát triển KT – XH; Một số vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến quá trình phát triển KT – XH Việt Nam.

2.6.92. [2010230], [Phát triển năng lực sử dụng công cụ Địa lý học cho học sinh THPT], [02]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về phát triển năng lực học sinh qua việc sử dụng các công cụ Địa lý học: Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu; sử dụng được tranh, ảnh địa lý để miêu tả những hiện tượng, quá trình địa lý; lập được bộ sưu tập hình ảnh (bản giấy và bản kỹ thuật số). Đọc được bản đồ để khai thác thông tin, kiến thức cần thiết; khai thác được các kênh thông tin bổ sung (biểu đồ, tranh ảnh,...) từ bản đồ, atlas địa lý; đọc được lát cắt địa hình; sử dụng được một số bản đồ thông dụng trong thực tế. Thực hiện được một số tính toán đơn giản (tính GDP bình quân đầu người, tốc độ tăng trưởng kinh tế,...); nhận xét, phân tích được bảng số liệu thống kê; xây dựng được bảng thống kê có cấu trúc phù hợp với ý tưởng phân tích số liệu; vẽ được một số loại biểu đồ thể hiện động thái, cơ cấu, quy mô,... của đối tượng địa lý từ số liệu đã cho. Nhận xét được biểu đồ và giải thích; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình địa lý.

Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

TP. ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Lê Tuấn

TS. Lê Xuân Vinh

TS. Đinh Anh Tuấn

